

CÔNG TY TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CỔ PHẦN TÍN VIỆT
VIETCREDIT GENERAL FINANCE
JOINT STOCK COMPANY

-----***-----

Số/No.: 1424/2026/VietCredit-BC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence – Freedom – Happiness

-----***-----

Hà Nội, ngày 21 tháng 09 năm 2026
Hanoi, September 21, 2026

BÁO CÁO/REPORT

Kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty
Results of Share Issuance under the Employee Stock Ownership Plan of the Company

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

To: The State Securities Commission of Vietnam

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành/ Introduction to the Issuer

- Tên Tổ chức phát hành (đầy đủ): Công ty Tài chính tổng hợp cổ phần Tín Việt
Full name of the Issuer: Vietcredit General Finance Joint Stock Company
- Tên viết tắt/ Abbreviated name: VietCredit
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9, Tòa nhà V.E.T, Số 98 đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội
Head office address: 9th Floor, V.E.T. Building, No. 98 Hoang Quoc Viet Street, Nghia Do Ward, Hanoi
- Số điện thoại/ Telephone: (84) 24. 6270 2127 Fax: (84.24) 3270 2128
Website: (84.24) 3270 2128
- Vốn điều lệ: 911.783.310.000 đồng
Charter capital: VND 911,783,310,000
- Mã cổ phiếu/ Stock code: TIN
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô - PGD Vĩnh Hồ.
Payment account opened at: Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Dong Do Branch – Vinh Ho Transaction Office.
Số hiệu tài khoản: 1250686968
Account number: 1250686968
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102766770 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2008, cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 16/01/2023. Theo Điều 27 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024, từ ngày 01/07/2024 Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép được nêu tại khoản 9 Mục này).



Enterprise Registration Certificate No. 0102766770 was first issued by the Hanoi Department of Planning and Investment on 02 June 2008 and amended for the 13th time on 16 January 2023. Pursuant to Article 27 of the Law on Credit Institutions No. 32/2024/QH15 dated 18 January 2024, from 01 July 2024, the License of Establishment and Operation of a credit institution also serves as its Enterprise Registration Certificate (the License referred to in Clause 9 of this Section).

8.1. Ngành nghề kinh doanh chính/ *Principal business lines:*

STT No.	Mã ngành <i>Business Line Code</i>	Ngành, nghề kinh doanh chính <i>Principal Business Lines</i>
1	6419 (Chính) (Primary)	Hoạt động trung gian tiền tệ khác <i>Other monetary intermediation activities</i> <u>Chi tiết/ Details:</u> - Huy động vốn dưới các hình thức sau đây: <i>Capital mobilization in the following forms:</i> - Nhận tiền gửi của tổ chức; <i>Accepting deposits from organizations;</i> - Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn của tổ chức; <i>Issuing certificates of deposit, promissory notes, bills and bonds to mobilize funds from organizations;</i> - Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; <i>Borrowing funds from domestic and foreign credit institutions and financial institutions in accordance with law;</i> - Vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. <i>Borrowing from the State Bank of Vietnam in the form of refinancing in accordance with the Law on the State Bank of Vietnam.</i> - Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: <i>Extending credit in the following forms:</i> - Cho vay, bao gồm cả cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng; cho vay tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; <i>Lending, including installment loans and consumer loans; lending to credit institutions, foreign bank branches, and domestic and foreign financial institutions in accordance with law;</i>

		- Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyên nhượng, các giấy tờ có giá khác; <i>Discounting and rediscounting negotiable instruments and other valuable papers;</i> - Bảo lãnh ngân hàng; <i>Bank guarantees;</i> - Phát hành thẻ tín dụng; <i>Issuing credit cards;</i> - Bao thanh toán; <i>Factoring;</i> - Cho thuê tài chính; <i>Finance leasing;</i> - Các hình thức cấp tín dụng khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận). <i>Other forms of credit extension (subject to approval by the State Bank of Vietnam).</i> 3. Các hoạt động khác: <i>Other activities:</i> - Mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước; <i>Opening deposit accounts at the State Bank of Vietnam;</i> - Mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; <i>Opening payment accounts at commercial banks and foreign bank branches;</i> - Mở tài khoản tại ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối; <i>Opening accounts at foreign banks in accordance with the laws on foreign exchange;</i> - Mở tài khoản tiền gửi, tài khoản quản lý tiền vay cho khách hàng; <i>Opening deposit accounts and loan management accounts for customers;</i> - Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; <i>Contributing capital and purchasing shares in accordance with the regulations of the State Bank of Vietnam;</i> - Tiếp nhận yền ủy thác của Chính phủ, tổ chức, cá nhân để thực hiện các hoạt động đầu tư vào các dự án sản xuất, kinh doanh, cấp tín dụng được phép, ủy thác vốn cho tổ chức tín dụng thực hiện cấp tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; <i>Receiving entrusted funds from the Government, organizations and individuals to invest in production and</i>
--	--	---

		<i>business projects and conduct permitted credit extension activities; and entrusting funds to credit institutions to extend credit in accordance with the regulations of the State Bank of Vietnam;</i> - Tham gia đầu thầu tín phiếu Kho bạc, mua, bán công cụ chuyên nhượng, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác theo quy định của pháp luật: <i>Participating in Treasury bill auctions; purchasing and selling negotiable instruments, Government bonds, corporate bonds, Treasury bills, State Bank bills and other valuable papers in accordance with law;</i> - Bảo lãnh phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; đại lý phát hành trái phiếu, cổ phiếu và các loại giấy tờ có giá khác; <i>Underwriting the issuance of Government bonds and corporate bonds; acting as an issuing agent for bonds, shares and other valuable papers;</i> - Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định; <i>Trading and providing foreign exchange services in the domestic market within the scope prescribed by the State Bank of Vietnam;</i> - Làm đại lý kinh doanh bảo hiểm; <i>Acting as an insurance agent;</i> - Cung ứng dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực, ngân hàng, tài chính, đầu tư; <i>Providing advisory services in the banking, finance and investment sectors;</i> - Cung ứng dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản của khách hàng; <i>Providing asset management and custody services for customers;</i> - Gửi tiền, nhận tiền gửi của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật. <i>Depositing funds with and accepting deposits from credit institutions and foreign bank branches in accordance with law.</i>
2	6491	Hoạt động cho thuê tài chính <i>Financial leasing activities</i>
3	6622	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm <u>Chi tiết:</u> Làm đại lý kinh doanh bảo hiểm <i>Activities of insurance agents and brokers</i> <i>Details: Acting as an insurance agent</i>

8.2. Sản phẩm/dịch vụ chính:

Main products/services:

- Hoạt động huy động vốn/ *Capital mobilization activities:*
 - + Chứng chỉ tiền gửi với kỳ hạn đa dạng (từ 01 đến 36 tháng) và phương thức trả lãi linh hoạt, phù hợp với nhu cầu dòng tiền của Khách hàng (trả lãi cuối kỳ/định kỳ hàng tháng, hàng quý,...);
Certificates of deposit with diversified terms (from 01 to 36 months) and flexible interest payment methods suited to customers' cash-flow needs (interest payable at maturity or periodically on a monthly or quarterly basis, etc.);
 - + Nhận tiền gửi có kỳ hạn từ các tổ chức kinh tế;
Accepting term deposits from economic organizations;
 - + Nhận tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác.
Accepting deposits from and borrowing from other credit institutions.
- Hoạt động cấp tín dụng/ *Credit extension activities:*
 - + Cho vay cá nhân;
Personal loans;
 - + Cho vay hộ kinh doanh;
Loans to household businesses;
 - + Cho vay doanh nghiệp;
Corporate loans;
 - + Sản phẩm Thẻ tín dụng số, Thẻ tín dụng nội địa.
Digital credit card and domestic credit card products.
- Hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán nợ;
Investment in and trading of debt securities;
- Hoạt động kinh doanh vốn trên thị trường tiền tệ.
Capital trading activities in the money market.

9. Giấy phép thành lập và hoạt động số 48/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/11/2023 thay thế cho Giấy phép thành lập và hoạt động công ty tài chính số 59/GP-NHNN và có thời hạn 50 năm kể từ ngày 29/05/2008. Giấy phép số 48/GP-NHNN được sửa đổi bởi Quyết định số 37/QĐ-TTGSNH2 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 10/02/2025, Quyết định số 159/QĐ-Cục II.6 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 21/04/2025, Quyết định số 649/QĐ-QLGS6 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 21/04/2025, Quyết định số 1038/QĐ-QLGS6 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 26/05/2025, Quyết định số 596/QĐ.KV1-QLGS2 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 28/07/2026.

License of Establishment and Operation No. 48/GP-NHNN was issued by the State Bank of Vietnam on 06 November 2023, replacing License of Establishment and Operation of Finance Company No. 59/GP-NHNN, and is valid for 50 years from 29 May 2008. License No. 48/GP-



NHNN was amended by Decision No. 37/QĐ-TTGSNH2 issued by the State Bank of Vietnam on 10 February 2025, Decision No. 159/QĐ-Cục II.6 issued by the State Bank of Vietnam on 21 April 2025, Decision No. 649/QĐ-QLGS6 issued by the State Bank of Vietnam on 21 April 2025, Decision No. 1038/QĐ-QLGS6 issued by the State Bank of Vietnam on 26 May 2025, and Decision No. 596/QĐ.KV1-QLGS2 issued by the State Bank of Vietnam on 28 July 2026.

II. Phương án phát hành/ Issuance Plan

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Tài chính tổng hợp cổ phần Tín Việt
Share name: Shares of Vietcredit General Finance Joint Stock Company
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
Share type: Ordinary shares
3. Số lượng cổ phiếu trước thời điểm phát hành:
Number of shares before the issuance:
 - Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 91.178.331 cổ phiếu.
Total number of shares issued: 91,178,331 shares.
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 91.178.331 cổ phiếu.
Number of outstanding shares: 91,178,331 shares.
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.
Number of treasury shares: 0 shares.
4. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 911.000 cổ phiếu, tương ứng 0,999% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành.
Expected number of shares to be issued: 911,000 shares, representing 0.999% of the total number of outstanding shares.
5. Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Cổ phần phát hành sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành (là ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu của người lao động).
Transfer restriction period: The issued shares shall be subject to a transfer restriction for one year from the closing date of the issuance (being the date on which the collection of share subscription proceeds from employees is completed).
6. Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.
Issuance price: VND 10,000 per share.
7. Ngày kết thúc đợt phát hành: 18/09/2026.
Closing date of the issuance: 18 September 2026.
8. Ngày dự kiến chuyển giao cổ phiếu: Dự kiến trong quý III hoặc quý IV năm 2026.
Expected share delivery date: Expected in the third or fourth quarter of 2026.

III. Kết quả phát hành cổ phiếu/ Results of Share Issuance

1. Số cổ phiếu đã phân phối: 911.000 cổ phiếu, tương ứng 100% tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành.

Number of shares distributed: 911,000 shares, representing 100% of the total number of shares expected to be issued.

2. Số người lao động được phân phối: 52 cán bộ, nhân viên.

Number of employees allocated shares: 52 officers and employees.

3. Tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành (ngày 18/09/2026): 92.089.331 cổ phiếu, trong đó:

Total number of shares after the issuance (as at 18 September 2026): 92,089,331 shares, comprising:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 92.089.331 cổ phiếu;

Number of outstanding shares: 92,089,331 shares;

- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

Number of treasury shares: 0 shares.

IV. Tài liệu gửi kèm

Enclosed Documents

1. Danh sách người lao động tham gia chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2025 của VietCredit (*Phụ lục đính kèm báo cáo này*);

List of employees participating in VietCredit's 2025 share issuance under the Employee Stock Ownership Plan (Appendix enclosed with this Report);

2. Văn bản xác nhận của ngân hàng TMCP Bản Việt – Chi nhánh Hà Nội.

Confirmation letter issued by Viet Capital Commercial Joint Stock Bank – Hanoi Branch.

Hà Nội, ngày 21 tháng 09 năm 2026

Hanoi, September 21, 2026

**CÔNG TY TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CỔ PHẦN TÍN VIỆT
VIETCREDIT GENERAL FINANCE JOINT
STOCK COMPANY**

TỔNG GIÁM ĐỐC/CEO

HỒ MINH TÂM

PHỤ LỤC/ APPENDIX
DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU
THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2025
LIST OF EMPLOYEES PARTICIPATING IN THE 2025 SHARE ISSUANCE UNDER THE
EMPLOYEE STOCK OWNERSHIP PLAN

(Đính kèm báo cáo số 1424/2026/VietCredit-BC ngày 21/09/2026)
(Enclosed with Report No. 1424/2026/VietCredit-BC dated September 21, 2026)

STT No.	Họ và tên Full Name	Số CC/CCCD Identity Card/Citizen Identity Card No.	Tổng số cổ phiếu được quyền mua Total Number of Shares Entitled to Purchase	Tổng số cổ phiếu đăng ký mua và được phân phối Total Number of Shares Subscribed and Allocated
1	Nguyễn Đức Phương		30.000	30.000
2	Nguyễn Đức Huỳnh		10.000	10.000
3	Nguyễn Lâm Trung Anh		10.000	10.000
4	Hồ Minh Tâm		30.000	30.000
5	Lê Hữu Sơn		201.500	201.500
6	Lê Hữu Toàn		60.000	60.000
7	Đỗ Trọng Điệp		50.000	50.000
8	Nguyễn Hoài Nam		50.000	50.000
9	Võ Thị Phương Thảo		60.000	60.000
10	Nguyễn Tấn Huy		10.000	10.000
11	Bùi Thị Nhật Linh		15.000	15.000
12	Nguyễn Đặng Thành		10.000	10.000
13	Nguyễn Thị Việt Hằng		10.000	10.000
14	Hoàng Hải Yến		7.000	7.000
15	Nguyễn Văn Dũng		7.000	7.000
16	Lê Minh Triết		2.500	2.500
17	Bùi Thị Mến		10.000	10.000
18	Vi Mỹ Ngọc		10.000	10.000
19	Nguyễn Hoàng Nhật Tiến		7.000	7.000
20	Lê Thị Hương		10.000	10.000
21	Nguyễn Tùng Cương		5.000	5.000
22	Đinh Quý Đôn		10.000	10.000

STT No.	Họ và tên Full Name	Số CC/CCCD Identity Card/Citizen Identity Card No.	Tổng số cổ phiếu được quyền mua Total Number of Shares Entitled to Purchase	Tổng số cổ phiếu đăng ký mua và được phân phối Total Number of Shares Subscribed and Allocated
23	Nguyễn Thúy Hương		5.000	5.000
24	Lê Hữu Song		15.000	15.000
25	Lê Văn Lưu		15.000	15.000
26	Trần Chí Hiếu		7.000	7.000
27	Mai Thị Hà Giang		11.000	11.000
28	Lưu Thị Ngọc Anh		7.000	7.000
29	Hoàng Thành		7.000	7.000
30	Nguyễn Thanh Tuyền 6		7.000	7.000
31	Phạm Trung Hiếu		10.000	10.000
32	Phạm Thị Lan		7.000	7.000
33	Nguyễn Văn Kiên		7.000	7.000
34	Lâm Trọng Nghĩa 1		7.000	7.000
35	Đinh Ngọc Quý		10.000	10.000
36	Nguyễn Mạnh Linh 2		7.000	7.000
37	Trần Sỹ Nam		15.000	15.000
38	Phan Nguyễn Minh Châu		10.000	10.000
39	Trần Thanh Thuận 3		7.000	7.000
40	Trần Quang Trung 2		7.000	7.000
41	Nguyễn Long Hải 1		7.000	7.000
42	Trần Thị Vân Anh 2		7.000	7.000
43	Hoàng Thị Mỹ Hạnh		7.000	7.000
44	Tổng Thị Minh Trang		20.000	20.000
45	Tạ Quỳnh Trang		20.000	20.000
46	Nguyễn Thị Ngọc Quyên 1		5.000	5.000
47	Nguyễn Thùy Linh		15.000	15.000
48	Nguyễn Phương Thảo		7.000	7.000



STT No.	Họ và tên Full Name	Số CC/CCCD Identity Card/Citizen Identity Card No.	Tổng số cổ phiếu được quyền mua Total Number of Shares Entitled to Purchase	Tổng số cổ phiếu đăng ký mua và được phân phối Total Number of Shares Subscribed and Allocated
49	Trần Văn Lập		10.000	10.000
50	Ngô Hồ Quang Hiếu		10.000	10.000
51	Phan Thanh Giản		20.000	20.000
52	Nguyễn Như Hiếu		7.000	7.000
Tổng Total			911.000	911.000

